

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
kèm theo Báo cáo Kiểm toán Độc lập
và Báo cáo của Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán hợp nhất	4
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ hợp nhất	7
Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất	9

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được Kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

1. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Những người sau đây là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lâm Thiếu Quân	Chủ tịch	28 tháng 3 năm 2008
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008
Ông Tạ Huy Phong	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008
Ông Hsun Tony Cau Fong	Thành viên	9 tháng 4 năm 2010
Ông Nguyễn Hữu Lam	Thành viên	9 tháng 4 năm 2010

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trịnh Thị Thúy Liễu	Trưởng ban	9 tháng 4 năm 2010	-
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên	15 tháng 4 năm 2011	-
Ông Mai Minh Tân	Thành viên	9 tháng 4 năm 2010	-
Bà Võ Phước Thụy An	Thành viên	9 tháng 4 năm 2010	15 tháng 4 năm 2011

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Tổng Giám đốc	13 tháng 7 năm 2009	-
Ông Tạ Huy Phong	Giám đốc điều hành	1 tháng 10 năm 2007	-
Ông Nguyễn Tâm Trí	Phó Giám đốc	1 tháng 10 năm 2007	-
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Giám đốc	1 tháng 6 năm 2011	-
Ông Trương Thái Quảng	Phó Giám đốc	1 tháng 6 năm 2011	-
Ông Vĩnh Nhì	Phó Giám đốc	1 tháng 4 năm 2008	2 tháng 5 năm 2011
Bà La Thị Hạnh Thảo	Giám đốc tài chính	17 tháng 6 năm 2010	16 tháng 6 năm 2011

2. Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, tùy thuộc những khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả trong việc lập các báo cáo tài chính phù hợp nhằm giảm thiểu các sai sót và gian lận.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và do đó thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc,
NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 3 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 116-21-11

Gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất định kèm của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu và các công ty con ("Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, và các báo cáo hợp nhất liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo ("các báo cáo tài chính hợp nhất") như được trình bày từ trang 4 đến trang 36.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo Kiểm toán về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa vào công việc kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần được nêu trong báo cáo kiểm toán ngày 23 tháng 3 năm 2011.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Quá trình kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng chứng minh cho các số liệu và giải trình trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Quá trình kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng do Ban Giám đốc thực hiện, cũng như đánh giá sự trung thực và toàn vẹn của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng quá trình kiểm toán đã cung cấp các cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn NEXIA ACPA
Số Đăng ký Kinh doanh: 0102012231

NGUYỄN QUỐC TUẤN
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0253/KTV
Phó Tổng Giám đốc

NGUYỄN MẠNH TUẤN
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0817/KTV
Kiểm toán viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 3 năm 2012

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Thuyết Mã số	minh	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
<u>TÀI SẢN NGÀN HẠN</u>	100		110.909.466.465	128.096.442.005
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	15.980.838.005	13.539.625.047
Tiền	111		6.680.838.005	9.539.625.047
Các khoản tương đương tiền	112		9.300.000.000	4.000.000.000
<u>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</u>	120		11.964.268.392	8.579.500.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121	7	11.964.268.392	8.579.500.000
<u>Các khoản phải thu ngắn hạn</u>	130		63.249.431.341	78.495.112.011
Phải thu khách hàng	131	37	52.940.349.803	71.070.757.554
Trả trước cho người bán	132		2.764.498.644	2.173.671.553
Phải thu khác	135	8;37	8.432.688.703	6.310.131.112
Dự phòng phải thu khó đòi	139	9	(888.105.809)	(1.059.448.208)
<u>Hàng tồn kho</u>	140	10	12.519.647.683	21.335.324.461
Hàng tồn kho	141		14.185.609.618	22.625.349.536
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.665.961.935)	(1.290.025.075)
<u>Tài sản ngắn hạn khác</u>	150		7.195.281.044	6.146.880.486
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	2.800.399.164	2.331.556.125
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.405.024.507	1.181.257.768
Tài sản ngắn hạn khác	158	12	2.989.857.373	2.634.066.593
<u>TÀI SẢN DÀI HẠN</u>	200		85.261.382.995	70.755.491.095
<u>Tài sản cố định</u>	220		2.408.821.985	2.552.660.457
Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.106.490.288	1.316.211.594
- Nguyên giá	222		4.227.733.880	4.499.607.474
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.121.243.592)	(3.183.395.880)
Tài sản cố định vô hình	227	14	65.812.776	102.375.444
- Nguyên giá	228		109.688.000	109.688.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(43.875.224)	(7.312.556)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	1.236.518.921	1.134.073.419
<u>Bất động sản đầu tư</u>	240	16	15.505.224.590	21.234.353.401
- Nguyên giá	241		38.179.543.108	37.583.618.667
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(22.674.318.518)	(16.349.265.266)
<u>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</u>	250		49.436.003.495	43.253.034.580
Đầu tư vào công ty liên kết	252	17	42.110.236.397	36.342.527.936
Đầu tư dài hạn khác	258	18	7.325.767.098	6.910.506.644
<u>Tài sản dài hạn khác</u>	260		14.789.668.797	3.715.442.657
Chi phí trả trước dài hạn	261	19	12.173.684.913	873.935.484
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	34	48.187.637	210.035.294
Tài sản dài hạn khác	268	20	2.567.796.247	2.631.471.879
Lợi thế thương mại	269	21	3.121.664.128	-
<u>TỔNG TÀI SẢN</u>	270		196.170.849.460	198.851.933.100

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BẢNG CÁN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
NỢ PHẢI TRẢ	300		53.386.743.247	59.653.161.884
Nợ ngắn hạn	310		50.587.920.647	52.348.304.960
Vay ngắn hạn	311	22	5.207.272.550	6.405.641.725
Phải trả người bán	312	37	26.505.620.015	26.356.623.640
Người mua trả tiền trước	313		887.730.228	2.038.343.569
Thuê và các khoản phải nộp Ngân sách				
Nhà nước	314	23	7.302.417.343	8.165.485.350
Phải trả người lao động	315		395.718.602	1.827.522.060
Chi phí phải trả	316	24	2.447.976.539	1.588.073.973
Phải trả khác	319	25;37	2.782.051.909	1.520.807.480
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		3.056.598.106	3.033.158.949
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.002.535.355	1.412.648.214
Nợ dài hạn	330		2.798.822.600	7.304.856.924
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		138.906.000	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		1.027.167.454	6.589.332.710
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1.632.749.146	715.524.214
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		134.278.740.860	131.330.316.903
Vốn chủ sở hữu	410	26	134.278.740.860	131.330.316.903
Vốn cổ phần	411		92.364.460.000	92.364.460.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.083.358.132	6.083.358.132
Cổ phiếu quỹ	414		(286.125.132)	(225.341.132)
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	237.615.549
Quỹ dự phòng tài chính	418		4.274.096.022	4.241.456.022
Lợi nhuận chưa phân phối	420		31.842.951.838	28.628.768.332
LỢI ÍCH CÓ ĐÔNG THIẾU SỐ	439	27	8.505.365.353	7.868.454.313
TỔNG NGUỒN VỐN	440		196.170.849.460	198.851.933.100

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Người lập:

PHAN THI KIM ANH
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 3 năm 2012



NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		202.887.667.166	211.262.517.016
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(8.736.000)	(156.916.885)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	28	202.878.931.166	211.105.600.131
Giá vốn hàng bán	11	29;38	(138.376.552.500)	(142.862.717.673)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.502.378.666	68.242.882.458
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	2.985.106.438	6.791.784.484
Chi phí tài chính	22	31	(2.034.706.999)	(3.043.036.892)
Chi phí bán hàng	24	38	(16.652.943.565)	(18.101.086.304)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	38	(11.427.101.831)	(10.790.499.173)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		37.372.732.709	43.100.044.573
Thu nhập khác	31	32	909.620.215	171.530.193
Chi phí khác	32	33	(168.410.968)	(175.886.789)
Lợi nhuận hoạt động khác	40		741.209.247	(4.356.596)
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty liên kết	45	17	5.447.836.512	467.012.033
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43.561.778.468	43.562.700.010
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	(5.773.834.695)	(8.571.036.574)
(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại	52	34	(161.847.657)	184.387.690
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		37.626.096.116	35.176.051.126
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông thiểu số	61	27	3.871.672.852	3.236.264.329
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	62	26	33.754.423.264	31.939.786.797
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	3.662	3.535

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Người lập:

PHAN THỊ KIM ANH
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 3 năm 2012



NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (phương pháp gián tiếp)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<u>Chi tiêu</u>	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		43.561.778.468	43.562.700.010
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02		7.159.389.743	6.847.165.619
Thay đổi các khoản dự phòng	03		204.594.461	1.311.552.884
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	04		(203.984.527)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(7.498.422.623)	(6.293.379.439)
Chi phí lãi vay	06		935.923.949	1.315.701.143
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi của vốn lưu động	08		44.159.279.471	46.743.740.217
Giảm các khoản phải thu	09		6.544.377.198	8.385.549.853
Giảm hàng tồn kho	10		8.439.739.918	5.226.523.521
(Giảm)/tăng các khoản phải trả và chi phí phải trả	11		(8.538.233.625)	4.105.944.539
Tăng chi phí trả trước	12		(11.768.592.468)	(714.760.698)
Tiền lãi vay đã trả	13		(844.071.872)	(1.326.886.285)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.934.426.524)	(9.554.151.517)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		63.675.632	4.323.969.289
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.387.392.965)	(15.495.333.515)
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ hoạt động kinh doanh	20		30.734.354.765	41.694.595.404
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(1.043.633.816)	(1.899.939.778)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		214.303.785	52.832.666
Tiền chi cho vay, mua lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(101.266.233.395)	(42.273.737.467)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		107.698.495.322	39.093.562.840
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(939.295.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.043.515.470	2.232.816.224
Tiền chi thuần để mua công ty con	28		(2.695.887.298)	-
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ/(sử dụng cho) hoạt động đầu tư	30		4.950.560.068	(3.733.760.515)
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	8.635.127.000
Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(60.784.000)	-
Tiền vay nhận được	33		15.980.989.878	21.855.534.593
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(17.179.359.053)	(43.110.574.903)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(31.984.548.700)	(15.577.170.400)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động tài chính	40		(33.243.701.875)	(28.197.083.710)

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		2.441.212.958	9.763.751.179
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	6	13.539.625.047	3.775.873.868
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	6	15.980.838.005	13.539.625.047

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Người lập:

PHAN THỊ KIM ANH
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 3 năm 2012



Người phê duyệt:

NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (trước đây là Công ty TNHH Kỹ thuật Điện Toàn Cầu) ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 045928 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 11 năm 1996. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301446863 (trước đây là số 4103004205) ngày 28 tháng 12 năm 2005, Công ty đã chuyển loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần. Sau đó, Công ty đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp để tăng vốn điều lệ và mở rộng ngành nghề kinh doanh.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm kết thúc cùng ngày bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") và lợi ích của Tập đoàn trong Công ty liên kết.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Số 1 Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động của Công ty là mua bán thiết bị điện, điện tử, máy phát điện, thiết bị chống sét; đại lý ký gởi hàng hóa; mua bán thiết bị phòng cháy, chữa cháy; thiết bị chống trộm, thiết bị chiếu sáng cho xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ thiết kế, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, mua bán thiết bị điện lạnh trong công nghiệp và dân dụng; mua bán máy móc, phụ tùng, thiết bị chế biến gỗ; nghiên cứu chế tạo, sản xuất, lắp ráp thiết bị chống sét, thiết bị điện, điện tử; mua bán hàng kim khí điện máy, thiết bị điện, điện tử, tin học; tư vấn, cung cấp, lắp đặt các giải pháp về trung tâm dữ liệu, thông tin; sản xuất, cung cấp thiết bị cho phòng thí nghiệm, xử lý môi trường; xây lắp trạm và đường dây trung thế, hạ thế từ 35KV trở xuống; sản xuất và lắp ráp thiết bị phân phối, điều khiển trung thế và hạ thế từ 35KV trở xuống; xây dựng giao thông, thủy lợi; dịch vụ cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi; môi giới và kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cho thuê thiết bị viễn thông, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh và sản xuất thiết bị viễn thông.

Vốn điều lệ được phê duyệt của Công ty là 92.364.460.000 VNĐ. Các cổ đông chủ yếu của Công ty gồm có:

Cổ đông	Số cổ phiếu	% quyền sở hữu
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	3.993.649	43,23%
Vietnam Infrastructure Holding Limited	1.146.972	12,40%
Ông Nguyễn Hữu Dũng	543.339	5,88%
Ông Tạ Huy Phong	182.034	1,97%
Các cổ đông khác	3.370.452	36,52%
	9.236.446	100,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có ba công ty con và một công ty liên kết:

Tên công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn do Công ty nắm giữ
Công ty TNHH Liên doanh Global – Sitem	Mua bán và cung cấp dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử, điện máy, máy tính, thiết bị văn phòng và các thiết bị đo lường công nghiệp.	51,0%
Công ty cổ phần Inno	Mua bán và cung cấp dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử và viễn thông	99,8%
Công ty TNHH một thành viên sản xuất kỹ thuật điện Toàn Cầu (*)	Mua bán, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử và viễn thông.	100%

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tên công ty liên kết	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn do Công ty nắm giữ
Công ty Cổ phần Đầu tư Hàng không Toàn Cầu	Mua bán, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử và viễn thông	41,0%
(*)	Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 16 tháng 11 năm 2011 quyết định giải thể Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu chưa chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu đã nộp hồ sơ xin giải thể và đang trong quá trình làm thủ tục giải thể. Vì vậy, báo cáo tài chính hợp nhất này không bao gồm báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu.	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty và các công ty con có 109 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 123 nhân viên).

2. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại thuyết minh số 36.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ"), được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán phổ biến ở các quốc gia và các thể chế khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Tập đoàn áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong năm và cũng nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong năm trước.

3.2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hay gián tiếp, điều hành các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có xét đến quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với tài khoản vốn của công ty được đầu tư được loại trừ với khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

3.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

3.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các ngoại tệ khác với đơn vị tiền tệ VND trên báo cáo của Tập đoàn phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Tại ngày kết thúc niên độ, các khoản mục tài sản và nợ có gốc bằng ngoại tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chưa thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành khác tại Việt Nam đòi hỏi Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, nợ và việc trình bày các khoản tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.6. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính chưa niêm yết.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.7. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có độ thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ để đáp ứng các khoản cam kết thanh toán ngắn hạn mà không phải cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3.8. Các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu ngắn hạn được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

Đối với khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, dự phòng được tính toán như sau theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009:

Khoản mục	Tình trạng quá hạn của khoản nợ	Tỷ lệ dự phòng
1	Quá hạn dưới 1 năm	30%
2	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	50%
3	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	70%
4	Quá hạn trên 3 năm	100%

3.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy hưu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3.10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài sản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cho từng khoản mục của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Máy móc và thiết bị	2 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị văn phòng	2 - 6

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

3.11. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này là một bộ phận tách rời với phần cứng có liên quan được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

3.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí xây dựng trạm thu phát sóng chưa được hoàn toàn hoàn thành và được thể hiện theo nguyên giá. Không tính hao mòn cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn lắp đặt cho tới khi các tài sản đó được hoàn thành và đem vào sử dụng.

3.13. Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua của tài sản và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của bất động sản đầu tư. Ước tính thời gian sử dụng hữu ích như sau:

	<u>Năm</u>
Trạm thu phát sóng	5 - 6

3.14. Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi già định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

3.15. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại các công ty con. Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại xác định bằng khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và các nghĩa vụ nợ có thể xác định được của công ty con tại ngày mua. Khoản chênh lệch có giá trị âm (bất lợi thương mại) được ghi nhận trực tiếp vào lãi hoặc lỗ. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

3.16. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 30 năm kể từ ngày của hợp đồng thuê.

3.17. Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận theo giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được trích lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp có cam kết bảo hành. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Tập đoàn được ước tính bằng 0,35% đến 5,00% doanh thu. Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.19. Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được sử dụng cho đầu tư khoa học và công nghệ. Quỹ này được trích lập trên lợi nhuận trước thuế dựa trên tỷ lệ lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu hàng năm và hạch toán vào chi phí, cụ thể như sau:

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	Tỷ lệ
Nhỏ hơn 20%	0%
Từ 20% đến 25%	2%
Từ 25% đến 30%	4%
Từ 30% đến 35%	6%
Từ 35% đến 40%	8%
Lớn hơn 40%	10%

3.20. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các lợi ích có liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ hoàn thành được xác định dựa trên việc đánh giá các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi của các khoản phải thu.

Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.21. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Những ưu đãi thuê được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một phần không thể tách rời trong tổng chi phí thuê.

3.22. Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh.

3.23. Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và phần suy giảm trên cổ phiếu ("EPS") đối với cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Phần suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

3.24. Báo cáo bộ phận

Mỗi bộ phận là một hợp phần riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận theo khu vực địa lý.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3.25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thuế thu nhập phải nộp hiện hành và thuế thu nhập hoàn lại.

Thuế thu nhập phải nộp hiện hành được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán và bất kỳ khoản điều chỉnh thuế phải nộp nào có liên quan đến các năm trước. Thu nhập chịu thuế có thể có sự khác biệt so với lợi nhuận báo cáo trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do thu nhập chịu thuế có thể không bao gồm các khoản thu nhập và chi phí đã nộp thuế hoặc đã khấu trừ trong các năm khác và có thể không bao gồm những khoản thu nhập hoặc chi phí không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoàn lại được xác định theo phương pháp nợ trên bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoàn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoàn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoàn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoàn lại và thuế thu nhập hoàn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoàn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoàn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoàn lại và thuế thu nhập hoàn lại phải trả chỉ được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp có liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.26. Các bên liên quan

Các bên liên quan của tập đoàn bao gồm nhà đầu tư của Công ty, các công ty con và các công ty liên kết của nhà đầu tư.

3.27. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Tập đoàn sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

3.28. Các sự kiện không chắc chắn

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi để mang lại lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3.29. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Tập đoàn tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất nếu trọng yếu.

3.30. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

4. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo khu vực địa lý của Tập đoàn.

Kết quả của bộ phận bao gồm các mục được phân bổ trực tiếp tới một bộ phận hoặc nhiều bộ phận dựa trên một cơ sở hợp lý. Những mục khác không được phân bổ tới các bộ phận bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập tài chính và chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý, thu nhập khác và chi phí khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các khu vực địa lý

Nước ngoài	Khu vực phía Bắc		Khu vực miền Trung		Khu vực phía Nam		Hợp nhất	
	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010
Doanh thu bên ngoài	2.115.450.344	-	85.796.211.495	76.023.401.103	11.728.506.669	27.567.297.986	103.238.782.658	107.514.901.042
Giá vốn hàng bán	(1.602.021.628)	-	(59.278.503.255)	(60.666.938.191)	(8.278.299.536)	(21.011.847.265)	(69.217.728.081)	(61.183.932.217)
Lãi gộp	513.428.716	-	26.517.708.240	15.356.462.912	3.450.207.133	6.555.450.721	34.021.034.577	46.330.968.825
							64.502.378.666	68.242.882.458

5. Hợp nhất kinh doanh

Vào ngày 24 tháng 1 năm 2011, Công ty mua lại 99,8% vốn cổ phần của công ty cổ phần Inno tương đương với 2.994 triệu đồng. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty cổ phần Inno là mua bán và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử và viễn thông.

Hoạt động mua lại này đã có những ảnh hưởng đến tài sản và công nợ của Tập đoàn vào ngày mua lại như sau:

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Giá trị ghi sổ trước khi mua	Điều chỉnh giá trị hợp lý	Giá trị được ghi nhận khi mua lại
Tiền và các khoản tương đương tiền	298.112.702	-	298.112.702
Trả trước nhà cung cấp	1.576.341.000	-	1.576.341.000
Tài sản ngắn hạn khác	432.079.110		432.079.110
Người mua trả tiền trước	(2.095.800.000)	-	(2.095.800.000)
Thuê và các khoản phải trả			
Nhà nước	(829.059)	-	(829.059)
Phải trả khác	(590.675.783)	-	(590.675.783)
Giá trị tài sản thuần có thể xác định	(380.772.030)	-	(380.772.030)
Giá phi hợp nhất kinh doanh			2.994.000.000
Lợi thế thương mại tại ngày mua			3.374.772.030
Tiền nhận được tại thời điểm mua			298.112.702
Tiền thuần chi ra cho việc mua lại			2.695.887.298

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Tiền mặt	127.077.746	134.564.968
Tiền gửi ngân hàng	6.553.760.259	9.405.060.079
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	9.300.000.000	4.000.000.000
	15.980.838.005	13.539.625.047

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm số ngoại tệ khác với VNĐ như sau:

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Nguyên tệ:		
- Đô la Mỹ ("USD")	1.907	3.238
- Euro ("EUR")	436	458

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu với lãi suất từ 18,00% đến 19,80% một năm (2010: 13,60% một năm)	6.468.268.392	7.000.000.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong trị giá 135.000 USD với lãi suất 3,96% một năm	2.781.000.000	-
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh với lãi suất từ 18,00% đến 19,80% một năm	2.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại ngân hàng	715.000.000	-
Khoản vay cung cấp cho Ông Phạm Khắc Tân và không tính lãi suất	-	1.579.500.000
	11.964.268.392	8.579.500.000

8. Phải thu khác

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Khoản vay cung cấp cho công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong – nhà đầu tư	6.550.000.000	5.716.000.000
Khoản phải thu hồi vốn góp từ Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (*)	1.000.000.000	-
Phải thu lãi vay	283.520.641	216.450.000
Phải thu phí tiện ích	109.041.600	85.137.819
Phải thu khác	490.126.462	292.543.293
	8.432.688.703	6.310.131.112

(*) Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 16 tháng 11 năm 2011 quyết định giải thể Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu chưa chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu đã nộp hồ sơ xin giải thể và đang trong quá trình làm thủ tục giải thể. Do đó, khoản đầu tư của Tập đoàn vào Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu được phân loại sang phải thu khác để chờ xử lý.

9. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2011	2010
Số dư đầu năm	1.059.448.208	590.895.517
Dự phòng tăng trong năm	360.167.928	468.552.691
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(531.510.327)	-
Số dư cuối năm	888.105.809	1.059.448.208

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Hàng tồn kho

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Nguyên vật liệu	3.360.751.542	4.508.319.384
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.711.344.939	10.052.824.651
Thành phẩm	372.680.902	394.270.523
Hàng hóa	6.740.832.235	7.669.934.978
	14.185.609.618	22.625.349.536
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.665.961.935)	(1.290.025.075)
	12.519.647.683	21.335.324.461

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2011	2010
Số dư đầu năm	1.290.025.075	447.024.882
Tăng trong năm	375.936.860	843.000.193
Số dư cuối năm	1.665.961.935	1.290.025.075

11. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Thuê đất cho trạm thu phát sóng	Dụng cụ văn phòng	Công cụ và dụng cụ	Tổng cộng
Số dư đầu năm	2.051.907.816	241.512.531	38.135.778	2.331.556.125
Tăng trong năm	5.372.331.600	678.665.478	-	6.050.997.078
Phân bổ trong năm	(5.155.587.338)	(417.037.701)	(9.529.000)	(5.582.154.039)
Số dư cuối năm	2.268.652.078	503.140.308	28.606.778	2.800.399.164

12. Tài sản ngắn hạn khác

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Tạm ứng	2.199.287.401	1.748.308.246
Đặt cọc ngắn hạn	790.569.972	885.758.347
	2.989.857.373	2.634.066.593

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	-	594.050.123	2.639.315.755	1.266.241.596	4.499.607.474
Tăng trong năm	139.106.240	21.000.000	-	162.059.544	322.165.784
Thanh lý	-	(253.727.244)	-	(340.312.134)	(594.039.378)
Số dư cuối năm	139.106.240	361.322.879	2.639.315.755	1.087.989.006	4.227.733.880
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	(526.034.943)	(1.829.531.927)	(827.829.010)	(3.183.395.880)
Hao mòn trong năm	(2.060.834)	(15.435.314)	(255.949.440)	(258.441.502)	(531.887.090)
Thanh lý	-	253.727.244	-	340.312.134	594.039.378
Số dư cuối năm	(2.060.834)	(287.743.013)	(2.085.481.367)	(745.958.378)	(3.121.243.592)
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	68.015.180	809.783.828	438.412.586	1.316.211.594
Số dư cuối năm	137.045.406	73.579.866	553.834.388	342.030.628	1.106.490.288

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có một số tài sản với nguyên giá xấp xỉ 1.798 triệu VNĐ đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (31 tháng 12 năm 2010: 2.060 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	109.688.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	(7.312.556)
Hao mòn trong năm	(36.562.668)
Số dư cuối năm	(43.875.224)
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	102.375.444
Số dư cuối năm	65.812.776

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2011	2010
Số dư đầu năm	1.134.073.419	448.512.551
Tăng trong năm	649.014.112	1.180.881.242
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(546.568.610)	(495.320.374)
Số dư cuối năm	1.236.518.921	1.134.073.419

16. Bất động sản đầu tư

	Trạm thu phát sóng
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	37.583.618.667
Tăng trong năm	72.453.920
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	546.568.610
Thanh lý	(23.098.089)
Số dư cuối năm	38.179.543.108
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	(16.349.265.266)
Hao mòn trong năm	(6.337.832.083)
Thanh lý	12.778.831
Số dư cuối năm	(22.674.318.518)
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	21.234.353.401
Số dư cuối năm	15.505.224.590

17. Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết trình bày khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu ("GII") theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 411032000094 ngày 13 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã góp 32.119.400.000 VNĐ, tương đương 41% vốn cổ phần của GII (31 tháng 12 năm 2010: 32.119.400.000 VNĐ, tương đương 41%).

Biến động giá trị sở hữu của Công ty trong GII trong năm như sau :

	2011	2010
Số dư đầu năm	36.342.527.936	32.456.115.903
Tăng trong năm	-	3.419.400.000
Thu nhập trong năm	5.447.836.512	467.012.033
Điều chỉnh năm trước	319.871.949	-
Số dư cuối năm	42.110.236.397	36.342.527.936

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Đầu tư dài hạn khác

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm tại ngân hàng	4.395.215.098	4.878.911.644
Đầu tư vào Công ty TNHH Hanel – CSF (a)	1.831.595.000	1.831.595.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty TNHH Hanel – CSF (b)	1.098.957.000	-
Đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tên Lửa	-	200.000.000
	7.325.767.098	6.910.506.644

(a) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Hanel -CSF với số tiền là 100.000 USD.

(b) Khoản vay cung cấp cho Công ty TNHH Hanel – CSF, bên liên quan, với lãi suất 16,8% một năm trong 3 năm kể từ tháng 3 năm 2011.

19. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trả trước	Chi phí bảo hành, bảo trì trạm	Dụng cụ văn phòng	Tổng cộng
Số dư đầu năm	-	815.307.274	58.628.210	873.935.484
Tăng trong năm	11.272.500.000	273.580.128	391.845.395	11.937.925.523
Phân bổ trong năm	(93.937.500)	(471.081.631)	(73.156.963)	(638.176.094)
Số dư cuối năm	11.178.562.500	617.805.771	377.316.642	12.173.684.913

20. Tài sản dài hạn khác

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Đặt cọc tiền thuê	2.170.850.000	2.171.850.000
Thẻ chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các hợp đồng kinh tế	182.136.247	237.811.879
Đặt cọc khác	214.810.000	221.810.000
	2.567.796.247	2.631.471.879

21. Lợi thế thương mại

Nguyên giá	
Tăng trong năm và số dư cuối năm	3.374.772.030
Giá trị hao mòn lũy kế	
Hao mòn trong năm và số dư cuối năm	(253.107.902)
Giá trị còn lại	
Số dư cuối năm	3.121.664.128

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

22. Vay ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Các khoản vay ngắn hạn này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu căn nhà của Tổng Giám đốc và Giám đốc Điều hành. Khoản vay này chịu lãi suất từ 6,5% đến 18,5% một năm (2010: 13,0% đến 13,8% một năm)	2.676.888.550	5.966.698.725
Vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 trình bày các khoản vay từ các cá nhân. Những khoản vay ngắn hạn này không phải đảm bảo và chịu lãi suất từ 1,40% đến 1,65% một tháng (2010: 1,40% một tháng)	2.530.384.000	438.943.000
	5.207.272.550	6.405.641.725

23. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	697.249.724	1.149.470.293
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	140.950.125	693.371.287
Thuế xuất nhập khẩu	63.464.718	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.778.652.403	5.939.244.232
Thuế thu nhập cá nhân	355.292.828	332.083.748
Thuế nhà thầu	266.807.545	51.315.790
	7.302.417.343	8.165.485.350

24. Chi phí phải trả

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Chi phí tư vấn thiết kế, giám sát và lắp đặt cho dự án	1.176.000.000	-
Chi phí vận chuyển, lắp đặt, nhân công trạm	1.024.507.122	1.546.153.115
Chi phí lãi vay	133.772.935	41.920.858
Chi phí dịch vụ chuyên môn	88.000.000	-
Chi phí khác	25.696.482	-
	2.447.976.539	1.588.073.973

25. Phải trả khác

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Khoản vay phải trả các bên liên quan (*)	958.857.266	227.523.231
Phải trả cỗ tức	960.000.000	320.000.000
Tiền thuê đất từ bên liên quan	284.348.160	218.400.000
Phí tiện ích	206.626.014	54.207.832
Quỹ phúc lợi phải trả nhà đầu tư	113.675.000	460.776.318
Phải trả khác	258.545.469	239.900.099
	2.782.051.909	1.520.807.480

(*) Khoản vay các bên liên quan không phải đảm bảo và không chịu lãi suất.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

26. Vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quý	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Loi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2010	63.757.790.000	623.231.132	(225.341.132)	239.165.485	4.208.816.022	39.702.271.279	108.305.932.786
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu	25.431.670.000	-	-	-	-	(25.431.670.000)	-
Tăng vốn góp bằng tiền mặt	3.175.000.000	5.460.127.000	-	-	-	-	8.635.127.000
Lãi thuần trong năm	-	-	-	-	-	31.939.786.797	31.939.786.797
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(15.577.170.400)	(15.577.170.400)
Trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	32.640.000	(2.004.449.344)	(1.971.809.344)
Giảm khác	-	-	-	(1.549.936)	-	-	(1.549.936)
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2011	92.364.460.000	6.083.358.132	(225.341.132)	237.615.549	4.241.456.022	28.628.768.332	131.330.316.903
Lãi thuần trong năm	-	-	-	-	-	33.754.423.264	33.754.423.264
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(29.488.548.700)	(29.488.548.700)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	32.640.000	(1.609.178.556)	(1.576.538.556)
Hoàn nhập quỹ	-	-	-	(237.615.549)	-	237.615.549	-
Mua cổ phiếu quý	-	-	(60.784.000)	-	-	-	(60.784.000)
Điều chỉnh năm trước	-	-	-	-	-	319.871.949	319.871.949
Số dư, ngày 31 tháng 12 năm 2011	92.364.460.000	6.083.358.132	(286.125.132)	-	4.274.096.022	31.842.951.838	134.278.740.860

Vốn cổ phần được phê duyệt và đã phát hành của Công ty:

	31 tháng 12 năm 2011		31 tháng 12 năm 2010	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được phê duyệt	9.236.446	92.364.460.000	9.236.446	92.364.460.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	9.236.446	92.364.460.000	9.236.446	92.364.460.000
Mua lại cổ phiếu phổ thông đã phát hành	(19.750)	(286.125.132)	(17.750)	(225.341.132)
Số cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành	9.216.696	92.078.334.868	9.218.696	92.139.118.868

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND.

27. Lợi ích cổ đông thiểu số

	2011	2010
Số dư đầu năm	7.868.454.313	5.514.189.984
Lãi thuần trong năm	3.871.672.852	3.236.264.329
Cổ tức được chia	(3.136.000.000)	(784.000.000)
Trích lập các quỹ	(98.000.000)	(98.000.000)
Khác	(761.812)	-
Số dư cuối năm	8.505.365.353	7.868.454.313

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2011	2010
Doanh thu bán hàng hóa	129.385.536.620	129.751.582.160
Doanh thu bán thành phẩm	25.377.492.274	21.474.145.016
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	28.506.310.709	25.952.177.330
Doanh thu cung cấp dịch vụ và kỹ thuật	19.618.327.563	34.084.612.510
Tổng doanh thu	202.887.667.166	211.262.517.016
Khoản giảm trừ doanh thu – Hàng bán bị trả lại	(8.736.000)	(156.916.885)
Doanh thu thuần	202.878.931.166	211.105.600.131

29. Giá vốn hàng bán

	2011	2010
Giá vốn hàng hóa	93.548.099.149	94.658.639.753
Giá vốn thành phẩm	12.356.302.755	7.749.230.109
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	15.691.656.784	13.317.317.966
Giá vốn cung cấp dịch vụ và kỹ thuật	16.404.556.952	26.294.529.652
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	375.936.860	843.000.193
	138.376.552.500	142.862.717.673

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2011	2010
Lãi tiền gửi	1.145.205.960	1.116.145.129
Lãi cho vay	965.380.151	1.414.891.040
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	874.520.327	702.452.397
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	3.558.295.918
	2.985.106.438	6.791.784.484

31. Chi phí tài chính

	2011	2010
Chi phí lãi vay	935.923.949	1.315.701.143
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.038.783.050	1.727.335.749
Lỗ từ bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tân Lửa	60.000.000	-
	2.034.706.999	3.043.036.892

32. Thu nhập khác

	2011	2010
Tiền thu từ phạt chậm thanh toán	330.741.408	3.960.000
Hoàn nhập chi phí dự phòng	307.383.533	84.005.411
Tiền thu từ thanh lý tài sản dài hạn	214.303.785	41.604.368
Thu nhập khác	57.191.489	41.960.414
	909.620.215	171.530.193

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

33. Chi phí khác

	2011	2010
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư đã thanh lý	10.319.258	-
Tiền chi từ phạt chậm thanh toán	85.167.032	-
Chi phí khác	72.924.678	175.886.789
	168.410.968	175.886.789

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế. Công ty được miễn thuế TNDN đối với hoạt động sản xuất sản phẩm và thiết bị được sử dụng trong lĩnh vực viễn thông cho hai năm từ năm đầu tiên phát sinh lợi nhuận chịu thuế (2008 - 2009) và được giảm 50% thuế TNDN cho ba năm tiếp theo (2010 - 2012).

Theo Nghị định Số 101/2011/NĐ-CP qui định chi tiết thi hành Nghị quyết Số 08/2011/NQ-QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn của doanh nghiệp và cá nhân ban hành ngày 4 tháng 11 năm 2011, các hoạt động của Công ty đáp ứng được các tiêu chí của doanh nghiệp nhỏ và vừa, do đó Công ty được giảm 30% thuế TNDN cho toàn bộ năm 2011.

Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chi phí thuế TNDN trong kỳ được tính như sau:

	2011	2010
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	5.773.834.695	8.571.036.574
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Hoàn nhập/(phát sinh) các khoản chênh lệch tạm thời	161.847.657	(184.387.690)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	5.935.682.352	8.386.648.884

Việc tính thuế TNDN hiện hành còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của các cơ quan thuế.

Đối chiếu thuế suất thực tế

	2011		2010	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	43.561.778.468		43.562.700.010	
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	10.890.444.617	25,00%	10.890.675.003	25,00%
Chi phí không được khấu trừ	199.292.441	0,46%	108.710.901	0,25%
Ưu đãi thuế	(1.469.039.363)	(3,37%)	(1.581.400.957)	(3,63%)
Giảm thuế	(2.348.352.451)	(5,39%)	-	-
Thu nhập không chịu thuế từ lợi nhuận được chia từ công ty con	(1.361.959.128)	(3,13%)	(1.006.427.928)	(2,31%)
Tài sản thuế hoãn lại trên các khoản lỗ thuế không được ghi nhận	25.296.236	0,06%	-	-
Thuế của năm trước ghi nhận thừa	-	-	(24.908.135)	(0,06%)
	5.935.682.352	13,63%	8.386.648.884	19,25%

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu sau được công ty ghi nhận và tình hình biến động trong năm như sau:

	Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	117.918.239	(117.918.239)	-
Trích trước chi phí lắp đặt	19.573.389	(19.573.389)	-
Chi phí bảo hành phải trả	50.555.739	(2.368.102)	48.187.637
Khác	21.987.927	(21.987.927)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	210.035.294	(161.847.657)	48.187.637

35. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được dựa trên lợi nhuận phân phối cho các cổ đông là 33.754.423.264 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 31.939.786.797 VNĐ) và số lượng trung bình của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 9.216.740 cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 9.034.285 cổ phiếu). Thu nhập trên mỗi cổ phần được tính như sau:

	2011	2010
Lãi thuần phân phối cho cổ đông	33.754.423.264	31.939.786.797
Số lượng trung bình cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	9.218.696	6.358.029
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành thêm	-	2.676.256
Ánh hưởng mua lại cổ phiếu quỹ	(1.956)	-
Số lượng trung bình cổ phiếu phổ thông trong năm	9.216.740	9.034.285
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.662	3.535

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tập đoàn không có công cụ tài chính nào có thể sẽ ảnh hưởng đến sự suy giảm tiềm tàng đối với cổ phiếu phổ thông.

36. Mục đích và chính sách rủi ro tài chính

Tập đoàn chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính, gồm có: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm ba loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Rủi ro tiền tệ

Tập đoàn chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là Đồng Việt Nam. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Tập đoàn đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua và bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Giám đốc không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn đổi với USD như sau:

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
	USD	USD
Tài sản tài chính		
Tiền	1.907	2.199
Đầu tư ngắn hạn	135.000	-
	136.907	2.199
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	269.569	171.584

Rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Tập đoàn quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất thả nổi.

Rủi ro giá

Tập đoàn có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Giám đốc quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Giám đốc. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong hai năm vừa qua.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị còn lại của số dư phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và phải thu khác như trình bày trên Bảng Cân đối Kế toán.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng cộng
31 tháng 12 năm 2011			
Vay ngắn hạn	5.207.272.550	-	5.207.272.550
Phải trả người bán	26.212.736.012	292.884.003	26.505.620.015
Người mua trả tiền trước	836.167.728	51.562.500	887.730.228
Chi phí phải trả	2.229.416.539	218.560.000	2.447.976.539
Phải trả khác	2.693.924.893	88.127.016	2.782.051.909
	37.179.517.722	651.133.519	37.830.651.241

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng cộng
31 tháng 12 năm 2010			
Vay ngắn hạn	6.405.641.725	-	6.405.641.725
Phải trả người bán	25.842.471.100	514.152.540	26.356.623.640
Người mua trả tiền trước	2.003.341.569	35.002.000	2.038.343.569
Chi phí phải trả	1.490.133.635	97.940.338	1.588.073.973
Phải trả khác	1.517.225.480	3.582.000	1.520.807.480
	37.258.813.509	650.676.878	37.909.490.387

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính đến thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng
31 tháng 12 năm 2011			
Đầu tư ngắn hạn	11.964.268.392	-	11.964.268.392
Phải thu khách hàng	44.069.574.578	8.870.775.225	52.940.349.803
Trả trước cho người bán	2.371.183.497	393.315.147	2.764.498.644
Phải thu khác	1.820.034.343	6.612.654.360	8.432.688.703
Đầu tư dài hạn khác	-	7.325.767.098	7.325.767.098
	60.225.060.810	23.202.511.830	83.427.572.640

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng
31 tháng 12 năm 2010			
Đầu tư ngắn hạn	8.579.500.000	-	8.579.500.000
Phải thu khách hàng	51.426.131.764	19.644.625.790	71.070.757.554
Trả trước cho người bán	1.910.446.873	263.224.680	2.173.671.553
Phải thu khác	527.424.172	5.782.706.940	6.310.131.112
Đầu tư dài hạn khác		6.910.506.644	6.910.506.644
	62.443.502.809	32.601.064.054	95.044.566.863

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các nghiệp vụ chủ yếu với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm như sau:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2011	2010
Hội đồng quản trị	Tạm ứng	92.706.000	628.113.636
	Mượn tiền	(800.000.000)	(3.840.000.000)
	Vay	(200.000.000)	-
	Chi phí lãi vay	(192.368.543)	(148.645.540)
Ban Giám đốc	Tạm ứng	167.000.000	195.384.000
	Mượn tiền	(410.000.000)	(2.208.214.000)
	Vay	(1.000.000.000)	-
	Chi phí lãi vay	-	(23.650.000)

Số dư công nợ của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Bên liên quan	Bản chất số dư	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Các khoản phải thu			
Hội đồng Quản trị	Phải thu phi thương mại	96.239.095	36.650.044
Ban Giám đốc	Phải thu phi thương mại	71.000.000	26.761.798
Các khoản phải trả			
Hội đồng Quản trị	Phải trả phi thương mại	(8.298.355)	(37.635.542)

Thu nhập của Ban Giám đốc trong năm như sau:

	2011	2010
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	3.139.088.550	2.524.423.617

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các giao dịch chủ yếu của các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	2011	2010
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Nhà đầu tư	Bán hàng hóa và thành phẩm	2.191.755.112	2.414.963.163
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(1.060.821.154)	(271.286.444)
		Phải thu chi phí tiện ích	11.672.500	23.341.750
		Phải trả phí nhượng quyền và chi phí tiện ích khác	(2.423.788.211)	(3.191.444.812)
		Cho vay	2.781.000.000	9.600.000.000
		Lãi cho vay	46.659.000	116.674.667
		Lãi đi vay	-	(946.667)
		Cho mượn tiền	8.650.000.000	9.716.000.000
		Cỗ tức đã trả	(12.670.656.800)	(3.841.849.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và thành phẩm	10.281.704.251	19.296.163.146
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(745.580.536)	(2.122.529.086)
		Nhận ký quỹ bảo lãnh	-	(146.265.800)
		Phải thu phí tiện ích và chi phí khác	115.983.501	153.983.842
		Phải trả chi phí tiện ích	(99.457.995)	-
		Xuất hộ thuê trạm	828.748.620	444.258.633
		Chi hộ chi phí thuê trạm	(593.200.000)	(642.000.000)
		Cho vay	20.993.333.773	22.500.000.000
		Lãi cho vay	618.050.166	1.155.407.776
		Cho mượn tiền	-	180.000.000
		Đi vay	(210.000.000)	-
		Lãi đi vay	(627.000)	-
		Cỗ tức nhận được	-	3.419.400.000
		Phải thu phạt chậm thanh toán	417.904.680	-
		Thanh lý tài sản	-	40.734.116
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm	-	1.940.972
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(735.507)	(4.773.000)
		Phải thu phí tiện ích	12.702.404	10.568.280
		Phải trả phí tiện ích	(3.137.000)	(3.928.612)
		Cho vay	-	2.700.000.000
		Lãi cho vay	-	65.773.334
Công ty Cổ phần Tự động Tân Tiến	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm	101.917.360	414.409.760
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(593.741)	-
		Phải thu phí tiện ích	18.666.530	16.784.600
		Phải trả phí tiện ích	(6.365.000)	-
		Cho vay	1.500.000.000	2.600.000.000
		Lãi cho vay	27.250.000	53.230.000
		Cho mượn	38.000.000	-
		Phải thu phạt chậm thanh toán	6.506.250	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Tin Thông	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm	139.197.875	420.200.420
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	(1.202.985)
		Phải thu phí tiện ích	19.987.338	9.222.572

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<u>Bên liên quan</u>	<u>Quan hệ</u>	<u>Bản chất giao dịch</u>	<u>2011</u>	<u>2010</u>
		Phải trả phí tiện ích	(5.095.500)	-
		Cho vay	1.000.000.000	1.500.000.000
		Lãi cho vay	16.500.000	22.250.000
		Cho mượn	765.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Thạch Anh	Bên liên quan	Phải trả phí tiện ích	-	(856.000)
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm	803.364.973	603.688.995
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(2.017.754.902)	(2.368.787.959)
		Phải thu phí tiện ích	23.300.050	10.464.183
		Cho vay	12.300.000.000	-
		Lãi cho vay	96.400.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm	-	865.227.675
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	(1.831.710.525)
		Mua tài sản cố định	-	(58.270.250)
		Phải thu phí tiện ích	764.091	(12.143.123)
		Phải trả phí tiện ích	(11.178.000)	-
		Mượn tiền	-	(910.000.000)
Site Preparation Management Co Ltd	Bên liên quan	Cỗ tức công bố	(1.856.000.000)	(464.000.000)
		Cỗ tức đã trả	(1.856.000.000)	(464.000.000)
Atlas CSF SDN. BHD	Bên liên quan	Cỗ tức công bố	(1.280.000.000)	(320.000.000)
		Cỗ tức đã trả	(640.000.000)	-

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Trong số dư phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả khách hàng và phải trả khác có các số dư nội bộ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Các khoản phải thu				
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Nhà đầu tư	Phải thu phi thương mại	9.385.340.850	5.782.706.940
Công ty TNHH Đầu tư Hạ Tầng Toàn Cầu	Công ty liên kết	Phải thu thương mại Phải thu phi thương mại	2.225.178.489 6.593.438.049	10.509.287.886 219.918.750
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	Bên liên quan	Phải thu phi thương mại	11.036.744	5.863.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Bên liên quan	Phải thu thương mại Phải thu phi thương mại	- 25.273.933	113.681.100 -
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	Bên liên quan	Phải thu thương mại Phải thu phi thương mại	107.217.663 12.520.572	436.262.112 8.771.479
Công ty Cổ phần Thiết Bị Điện Thạch Anh	Bên liên quan	Phải thu phi thương mại	-	856.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Bên liên quan	Phải thu thương mại Phải thu phi thương mại	412.082.874 2.020.885.480	64.607.400 886.050
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Bên liên quan	Phải thu thương mại	-	515.347.170
Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	Bên liên quan	Phải thu phi thương mại	1.000.000.000	-

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Các khoản phải trả				
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Nhà đầu tư	Phải trả thương mại	(1.206.844.380)	(68.315.626)
		Phải trả phi thương mại	(844.532.116)	(1.680.515.259)
Công ty TNHH Đầu tư Hạ Tầng Toàn Cầu	Công ty liên kết	Phải trả thương mại	(513.102.668)	(998.163.938)
		Phải trả phi thương mại	(37.416.090)	(212.335.198)
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	-	(929.775)
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Bên liên quan	Phải trả thương mại	(33.889.927)	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Bên liên quan	Phải trả thương mại	(423.398.045)	(117.398.854)
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Bên liên quan	Phải trả thương mại	-	(34.471.795)
Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	(958.857.266)	(958.857.266)
Atlas CSF SDN. BHD	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	(960.000.000)	(320.000.000)
Công ty Cổ phần Tên Lửa	Bên liên quan	Phải trả thương mại	-	(260.789.936)

Các khoản phải thu/(phải trả) từ/(cho) nhà đầu tư, công ty liên kết, các công ty con và các công ty liên kết của nhà đầu tư là không được đảm bảo, không tính lãi và không ấn định thời gian hoàn trả.

38. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu trong năm như sau:

	2011	2010
Chi phí hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp	93.548.099.149	94.658.639.753
Chi phí công nhân viên	15.759.684.602	15.457.377.627
Chi phí vật liệu	14.487.864.714	11.692.582.150
Thiết bị văn phòng và văn phòng phẩm	437.311.199	837.045.866
Chi phí khấu hao	7.159.389.743	6.847.165.619
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.337.931.249	31.470.045.031
Chi phí khác	3.363.247.907	3.444.609.362

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

39. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 28 tháng 2 năm 2012, Hội đồng Quản trị nhất trí trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc chia cổ tức năm 2011 là 30% bằng tiền mặt trong đó đã tạm ứng lần 1 vào ngày 22 tháng 9 năm 2011 với tỷ lệ 12%, lần 2 vào ngày 22 tháng 12 năm 2011 với tỷ lệ 5%. Phần cổ tức với tỷ lệ 13% còn lại dự kiến được chi trả trong tháng 5 năm 2012.

Người lập:

PHAN THỊ KIM ANH
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 3 năm 2012



Người phê duyệt:

NGUYỄN HỮU DŨNG

Tổng Giám đốc